

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp niên khóa 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;



Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1151/TTr-LĐTBXH ngày 06/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(Kèm theo Phụ lục Danh mục nghề đào tạo)

Thời gian đào tạo được tính theo giờ thực học, tùy theo điều kiện thực tế của từng ngành, nghề các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí thời gian học kéo dài hơn, nhưng vẫn phải đảm bảo tổng số giờ học theo quy định (phải được cụ thể hóa trong kế hoạch đào tạo của đơn vị).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt danh mục một số nghề phát sinh ngoài các nghề đã có trong Danh mục hoặc các nghề đã có trong Danh mục nhưng thời gian đào tạo khác nhau.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - TB và XH;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, tthuy.



Nguyễn Lưu Trung

Phụ lục

**DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN;
LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ KHU
DU LỊCH; LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ
VỪA NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số: 1351 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Nghề nông nghiệp:

STT	Nghề đào tạo	Thời gian thực học (giờ)
	Dạy nghề thường xuyên (đào tạo dưới 3 tháng)	
01	Thợ máy	24
02	Thuyền trưởng tàu cá hạng 3	48
03	Máy trưởng tàu cá hạng 3	48
04	Thuyền trưởng tàu cá hạng 2	90
05	Máy trưởng tàu cá hạng 2	90
06	Vận hành và bảo trì lò sấy lúa	100
07	Kỹ thuật (KT) VAC	100
08	KT trồng rau mầm	100
09	KT trồng rau hữu cơ	100
10	KT trồng mía	100
11	KT trồng củ cải	100
12	KT trồng ấu	100
13	KT trồng bắp	100
14	KT trồng cà bí	100
15	KT trồng cà chua	100
16	KT trồng rau hữu cơ	100
17	KT nuôi lươn, ếch	100
18	KT chăn nuôi heo	100
19	KT trồng, chăm sóc, thu hoạch hồ tiêu	100
20	Trồng rau an toàn	100
21	Trồng rau sạch Vietgap	100
22	KT trồng khóm	100
23	KT nuôi cá rô đồng sinh sản nhân tạo	100
24	Nuôi cá bóng múi lòng bẹ	100
25	Vỗ béo bò	100



26	KT truyền giống bò, heo	100
27	KT nuôi tôm quảng canh	100
28	KT cơ bản nuôi tôm công nghiệp	120
29	KT sản xuất giống cua biển	120
30	KT chăn nuôi gia cầm	150
31	KT trồng lúa chất hữu cơ	188
32	KT nhân giống lúa	188
33	KT trồng dưa leo	188
34	KT trồng cây lan - Bon sai	188
35	KT chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học	188
36	KT ương vèo tôm, cua giống	188
37	KT nuôi vẹm xanh	188
38	KT nuôi tôm - cua - lúa	188
39	KT nuôi cá thát lát cừm	188
40	KT chăn nuôi bò	188
41	KT trồng nấm rơm, nấm bào ngư, linh chi	188
42	KT trồng lúa chất lượng cao	188
43	KT trồng cây ăn quả	188
44	KT trồng hoa kiểng	188
45	KT trồng dưa hấu	188
46	Chế biến thủy sản	188
47	KT chăn nuôi gà và PP phòng trị bệnh	188
48	KT chăn nuôi heo và PP phòng trị bệnh	188
49	Nuôi tôm lúa	188
50	Nuôi cá bóng tượng	188
51	Nuôi tôm càng xanh	188
52	KT nuôi cá chẽm	188
53	KT nuôi lươn, ếch	188
54	KT nuôi cá lóc, rô đồng, rô đầu vuông	188
55	Kỹ thuật nuôi rắn	188
56	Nuôi cua biển	188
57	Nuôi tôm sú	188
58	KT nuôi cá đối, cá dìa xen canh tôm	188
59	Nuôi cá lồng bè trên biển	188
60	Nuôi tôm thẻ chân trắng	188
61	Nuôi cá thát lát	188

62	KT nuôi cá trê vàng	188
63	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	188
64	KT nuôi đa loại thủy sản (cua, sù, thê, còng xanh)	188
65	Ương giống và nuôi nghêu, sò	188
66	Kỹ thuật ương tôm, cua giống	188
67	Kỹ thuật nuôi trùn quế	188
68	Kỹ thuật nuôi ruồi lính đen	188
69	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	188
70	KT nuôi cua đinh	188
71	KT trồng hoa lan	188
72	Kỹ thuật chăn nuôi dê và phương pháp phòng trị bệnh	224
73	Kỹ thuật chăn nuôi rắn mối và phương pháp phòng trị bệnh	224
74	Chăm sóc hoa viên, cây cảnh, cá cảnh	250
75	Dược lý thú y thủy sản	276
	Sơ cấp	
76	Máy tàu thủy	300
77	Điều khiển tàu thủy	300
78	Kỹ thuật bonsai - hoa kiểng	318
79	Nuôi tôm thẻ chân trắng	440
80	Sử dụng thiết bị điện tử phổ biến trên tàu cá	540
81	Mua bán, bảo quản phân bón	540
82	Quản lý công trình thủy nông	540
83	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	540
84	Sửa chữa máy nông nghiệp	540
85	Sửa chữa bơm điện	540
86	Sản xuất thức ăn hỗn hợp chăn nuôi	540
87	Chế biến sản phẩm từ bột gạo	540
88	Chế biến sản phẩm từ đậu nành	540
89	Sản xuất giống một số loài cá nước ngọt	540
90	Trồng hoa lan	540
91	Trồng khoai lang, sắn	540
92	Trồng đậu tương, đậu phộng	540
93	Trồng thanh long	540
94	Trồng và nhân giống nấm	540



95	Trồng ngô	540
96	Vi nhân giống hoa	540
97	Nhân giống cây ăn quả	540
98	Nuôi ong mật	540
99	Ương giống và nuôi nghêu, sò	540
100	Đánh bắt hải sản xa bờ bằng lưới kéo	540
101	Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp	540
102	Nuôi tôm sú công nghiệp	540
103	Nuôi cua biển	540
104	Máy trưởng tàu cá hạng IV	540
105	Thuyền trưởng tàu cá hạng IV	540
106	Điều khiển tàu cá	540
107	Lắp ráp và sửa chữa ngư cụ	540
108	Nuôi tôm thẻ chân trắng	650

2. Nghề phi nông nghiệp:

TT	Nghề đào tạo	Thời gian thực học (giờ)
	Dạy nghề thường xuyên (đào tạo dưới 03 tháng)	
01	Điều khiển mạch điện 03 pha	100
02	Đan lục bình	100
03	Hoa voan nghệ thuật	100
04	Bó chổi	100
05	Bảo trì và sửa chữa máy phun thuốc trừ sâu	100
06	Bảo trì và sửa chữa máy phun phân bón	100
07	Bảo trì và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí	100
08	Cài đặt, bảo trì máy tính	100
09	Lập trình, phân tích xử lý số liệu dùng PYTHON	100
10	Lập trình điều khiển tự động ARDUINO	100
11	Tin học văn phòng (mở rộng)	100
12	Y tế du lịch	100
13	Sơ cấp cứu	100
14	Đan giỏ xách từ dây nhựa	100
15	Đan giỏ quà từ cọng dừa	100
16	Đan sản phẩm từ tre trúc	100
17	An ninh khách sạn	100

18	An toàn vệ sinh thực phẩm	100
19	Kỹ năng giao tiếp và lễ tân ngoại giao	100
20	Kỹ năng bán hàng	100
21	Nghệp vụ du lịch (xe, tàu)	100
22	Tổ chức sự kiện	100
23	KT lập trình PLC cơ bản	100
24	KT lập trình PLC nâng cao	100
25	Lập trình gia công phay, tiện trên mater cam	100
26	Vẽ Autocad (2D, 3D)	100
27	Lập trình CNC cơ bản	100
28	Tiếp thị cơ bản	100
29	Thiết kế đồ họa (Cotel Drew)	100
30	Đồ họa quảng cáo căn bản (Adobe Illustratos)	100
31	Xử lý ảnh căn bản (Adobe photoshop)	100
32	Xử lý ảnh nâng cao (Adobe photoshop)	100
33	Đồ họa quảng cáo nâng cao (Adobe Illustratos)	100
34	Thiết kế Web Joomla cho doanh nghiệp	100
35	Thiết kế Web với PHP	100
36	Quản trị, bảo mật mạng	100
37	Bó chổi cán nhựa	100
38	Ráp lú dây	100
39	Đan rập cua	100
40	Trầm nón lá	100
41	Pha chế thức uống	120
42	KT tạo sợi (cấp độ 1,2)	120
43	KT dệt bao (cấp độ 1,2)	120
44	KT tráng màn (cấp độ 1,2)	120
45	KT may phụ kiện bao BigBag và may bao BigBag (cấp độ 1,2)	120
46	Vận hành dây chuyền in 9 màu	120
47	Lập trình ứng dụng trên ANDROID	120
48	Lập trình trí tuệ nhân tạo dùng PYTHON	120
49	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính	120
50	Quản lý ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản cấp xã	120
51	Quản lý hợp tác xã	120
52	Bảo trì và sửa chữa động cơ phun xăng điện tử	120



53	Bảo trì và sửa chữa động cơ phun dầu điện tử	120
54	Thiết kế, lập trình đèn LED quảng cáo	150
55	Chăm sóc da	150
56	Cộng tác viên y tế	150
57	Vận hành dây chuyền sản xuất xi măng cơ bản	150
58	Vận hành dây chuyền sản xuất xi măng nâng cao	150
59	Đan cỏ bàng	160
60	KT nề hoàn thiện	160
61	KT cốt thép và bê tông	160
62	KT cốt pha - giàn giáo	160
63	Thủ công mỹ nghệ từ vỏ ốc, vỏ sò	188
64	Đan ghế từ dây nhựa	188
65	Sửa chữa thiết bị điện tử tàu biển	188
66	Thủ công mỹ nghệ từ hạt cườm	188
67	Sản xuất gạch theo công nghệ Tuynel	188
68	Sửa chữa động cơ phun xăng điện tử	188
69	May công nghiệp	188
70	Sửa chữa hệ thống điện thân xe ô tô	200
71	Bồi dưỡng kiến thức du lịch (cấp thẻ hướng dẫn viên)	200
72	KT chế biến món ăn (KT nấu ăn)	200
73	Sửa chữa động cơ ô tô phun xăng điện tử	200
74	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	200
75	Tiếng anh giao tiếp	200
76	Tiếng anh du lịch	200
77	Trang điểm	276
78	Làm móng	276
79	Sửa chữa vận hành thiết bị điện	276
80	Nghiệp vụ buồng	276
81	Nghiệp vụ bàn	276
82	Nghiệp vụ lễ tân	276
83	Nghiệp vụ pha chế (Bartender)	276
84	Lắp đặt bảng hiệu	276
85	Điện lạnh dân dụng	276
86	KT may giấy công nghiệp	276
87	Chứng chỉ lái phương tiện thủy hạng 1	295



88	Tiếng Hàn du lịch	295
89	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ	295
90	Điều hành Tour du lịch	295
91	Marketing du lịch	295
	Sơ cấp	
92	Tin học văn phòng	300
93	Sửa chữa xe gắn máy	300
94	Sửa chữa máy nổ (động cơ xăng và Diesel)	300
95	KT vận hành xe nâng	300
96	SC máy nổ (động cơ xăng và Diesel)	300
97	Nghiệp vụ pha chế tổng hợp	300
98	Quản lý nhà hàng	312
99	Kế toán doanh nghiệp	315
100	Kế toán hành chính sự nghiệp	315
101	Kế toán thương mại - dịch vụ - sản xuất	315
102	Điện lạnh	318
103	Pha chế thức uống	318
104	Kỹ thuật nấu ăn	318
105	Chế biến thủy sản	320
106	Chăm sóc da, phun xăm, điêu khắc	320
107	Nghiệp vụ bếp trưởng - chuyên ngành bếp bánh	345
108	Cấp thoát nước	345
109	Nghiệp vụ Bar trưởng	355
110	Du lịch cộng đồng	360
111	Nghiệp vụ buồng, bàn	360
112	Nghiệp vụ buồng	360
113	Nghiệp vụ bàn	360
114	Nghiệp vụ lễ tân	360
115	Nghiệp vụ bếp	360
116	Tiếng Anh du lịch	360
117	Nghiệp vụ bếp trưởng	375
118	Nghiệp vụ bếp trưởng - chuyên ngành bếp Việt	375
119	Điện nước công trình	380
120	Hàn điện (gò - hàn)	392
121	May công nghiệp	396
122	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	400

123	Sửa chữa xe gắn máy	405
124	Xây dựng dân dụng	410
125	Xây dựng cầu đường	410
126	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	420
127	Kinh doanh sản phẩm nông nghiệp	420
128	KT chế biến món ăn Á - Âu	420
129	Lái xe nâng hạ	420
130	Vận hành cầu trục	420
131	Tiếng Anh du lịch	450
132	KT máy lạnh và điều hòa không khí	520
133	Nghiệp vụ buồng, bàn	540
134	Nghiệp vụ hướng dẫn viên	540
135	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ	540
136	Nghiệp vụ bếp	540
137	Kỹ thuật xây dựng	540
138	Sửa chữa máy tàu thủy	540
139	Sửa chữa máy nổ	540
140	Sửa chữa động cơ phun xăng	540
141	Vận hành, sửa chữa máy gặt đập liên hợp	540
142	Tiện	540
143	Hệ thống chiếu sáng tín hiệu ô tô	540
144	Hệ thống lạnh ô tô	540
145	Giúp việc nhà	540
146	Nghiệp vụ lễ tân	540
147	Khảm trai hoa văn dây leo	540
148	KT gia công bàn ghế	540
149	Đan thủ công	540
150	Móc thủ công	540
151	Quản lý điện nông thôn	540
152	Sửa chữa trang thiết bị nhiệt gia đình	540
153	Sửa chữa lắp đặt mạng cấp, thoát nước gia đình	540
154	Lắp đặt điện nội thất	540
155	Sửa chữa công trình thủy lợi	540
156	Nguội căn bản	540
157	Hàn hơi và INOX	540
158	Hàn điện	540



159	KT sơ chế và bảo quản sản phẩm cây công nghiệp thực phẩm	540
160	KT sơ chế và bảo quản hoa màu	540
161	KT sơ chế và bảo quản sản phẩm cây lương thực	540
162	Trang điểm thẩm mỹ	540
163	In lụa	540
164	KT xây, trát công trình	540
165	KT ốp lát công trình	540
166	KT coffa, cốt thép	540
167	Sửa chữa xe gắn máy	540
168	Gò hàn nông thôn	540
169	Lắp ráp và sửa chữa điện tàu biển	540
170	Điện tử công nghiệp	540
171	Điện tử dân dụng	540
172	KT sửa chữa điện lạnh	540
173	Điện nước công trình	540
174	Điện dân dụng	540
175	Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp	540
176	Cắt uốn tóc	540
177	Vệ sĩ	540
178	May dân dụng	540
179	May công nghiệp	540
180	KT bảo dưỡng và sửa chữa mô tơ điện	540
181	Vận hành, sửa chữa xe đào xúc	540
182	Nghiệp vụ bàn	540
183	Nghiệp vụ buồng	540
184	KT chế biến món ăn	540
185	KT trong khách sạn - resort	540
186	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và máy điều hòa nhiệt độ	540
187	Dược tá	555
188	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	560
189	Y tế thôn bản	580
190	Lắp đặt điện nước	650
191	Sửa chữa điện thoại di động	716
192	KT gia công tủ	716
193	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và thú y	716

194	Chăm sóc da	716
195	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ	716
196	Sửa chữa hệ thống âm thanh cassette và radio	716
197	Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ	716
198	Sửa chữa cơ điện nông thôn	716
199	Sửa chữa Tivi, đầu VCD, DVD và đầu kỹ thuật số	716
200	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	716
201	Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ	716
202	Sửa chữa thiết bị may gia đình	804
203	Thiết kế tạo mẫu tóc	892